

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Kinh doanh Nông nghiệp/ Bachelor of Agricultural Business
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Kinh tế Nông nghiệp/ Agricultural Business
Mã ngành/Code:	7620114
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	493/QĐ-ĐHKTQD ngày 30/03/2021 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Kiểm định chương trình:	
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (Khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1 Triết lý giáo dục:

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2 Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Cử nhân Kinh doanh Nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cần thiết, được trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, marketing và kiến thức chuyên sâu về quản lý sản xuất, nhân sự, marketing và tài chính để giải quyết các tình huống cụ thể trong các cơ sở sản xuất Kinh doanh nông nghiệp. Được trang bị những kiến thức hiện đại liên quan đến sản xuất và phân phối đầu vào Nông nghiệp, quá trình sản xuất chế biến tiêu thụ các hàng hóa nông sản và các sản phẩm liên quan. Được cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản của kinh doanh; môi trường kinh doanh và đặc thù của kinh doanh nông nghiệp; mối liên hệ giữa các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp; ứng dụng các nguyên lý kinh tế và quản trị kinh doanh vào các hoạt động thực tiễn trong kinh doanh nông nghiệp; thể hiện được hiểu biết về công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông sản.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến thức nền tảng về kinh tế và kinh doanh nông nghiệp, môi trường kinh doanh để vận dụng vào vận hành mô hình kinh doanh NN thành công;
PO3	Có chính kiến và nhận thức về kinh doanh nông nghiệp. Vận dụng các kiến thức để đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.
PO4	Có kiến thức về marketing, tài chính, chuỗi giá trị ngành hàng nông sản, kiểm soát chất lượng sản phẩm, quản lý công nghệ và vận hành, đo lường và đánh giá hiệu quả trong hoạt động kinh doanh Nông nghiệp;
PO5	Có sức khỏe và có đủ năng lực nhận thức hành vi cá nhân, Có tinh thần và nhận thức tốt về ngành kinh doanh nông nghiệp.
PO6	Có ý thức cao trong phát triển khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp. Có kỹ năng lãnh đạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp & làm việc nhóm.
PO7	Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự bổ sung kiến thức, hoàn thiện chuyên môn.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thể giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Có kiến thức để phân tích được các khía cạnh hoạt động của nền kinh tế cũng như quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.
PLO1.5	Am hiểu về môi trường kinh doanh, từ đó có những chiến lược vận dụng, điều chỉnh, thích ứng để quản lý vận hành mô hình kinh doanh thành công.
PLO 1.6	Hiểu được tổng quan về kinh tế và kinh doanh nông nghiệp, mô hình kinh doanh nông nghiệp trong nền KTTT hội nhập toàn cầu.
PLO1.7	Xây dựng chiến lược và kế hoạch phù hợp với mô hình kinh doanh và nguồn lực sẵn có, tăng khả năng sinh lợi của mô hình kinh doanh.
PLO1.8	Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định về lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.
PLO1.9	Vận dụng các lý thuyết và lựa chọn mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về kinh doanh nông nghiệp. Lựa chọn phương án tối ưu để quản lý các vấn đề phát triển về kinh doanh nông nghiệp.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD

	ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Có kỹ năng xác định vấn đề, phân tích, đánh giá và truyền đạt các ý tưởng kinh doanh nông nghiệp.
PLO2.4	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.
PLO2.5	Phát triển các kỹ năng lãnh đạo, tạo động lực cho người lao động năng cao hiệu quả công việc, tăng khả năng giao tiếp và làm việc theo nhóm. Nâng cao kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1.1	x		x				
PLO1.2	x	x					
PLO1.3	x			x			
PLO1.4		x	x				
PLO1.5			x	x			
PLO1.6		x		x	x		
PLO1.7			x	x			
PLO1.8				x	x	x	
PLO1.9				x		x	x
PLO2.1	x						
PLO2.2	x	x					
PLO2.3	x	x					

PLO2.4			X	X		X	
PLO2.5			X			X	X
PLO3.1			X	X			
PLO3.2			X	X			
PLO3.3			X			X	
PL03.4				X		X	X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân Kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên kinh doanh, chuyên viên nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường, chuỗi giá trị nông sản, phát triển thị trường nông sản, nhà quản trị kinh doanh nông nghiệp.... Các cơ quan nghiên cứu khoa học và các đơn vị đào tạo có liên quan đến nông nghiệp. Tự khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp (Start up). Có khả năng thích ứng chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn và năng lực cá nhân.

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành Giám đốc kinh doanh, Trưởng các bộ phận chức năng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, Phụ trách trung tâm kinh doanh và xúc tiến sản phẩm nông sản tại cơ quan quản lý nhà nước, tập đoàn, doanh nghiệp

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học: có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học độc lập bậc sau đại học các chuyên ngành: Kinh doanh nông nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị ngân hàng; Quản trị tài chính; Chính sách công... Có thể trở thành giảng viên về kinh doanh nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu của cơ sở đào tạo về kinh tế và kinh doanh nông nghiệp, kinh tế và quản trị kinh doanh...

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III -IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III-VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=>VII	
6	6	Pháp luật đại cương / Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
1.2. Các học phần chung của Trường				21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực				12		
12 13 14 15	1	Kinh tế nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1109	3	II	KHMI1101
	2	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	KHMI1101
	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	KHMI1101
	4	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	KHMI1101
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				12		
16 17 18 19	1	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT1153	3	III	TNKT1109
	2	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3	III	
	3	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	II	
	4	Công nghệ nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT1145	3	III	TNKT1109
2.2. Các học phần của ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				31		
20	1	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	TNKT1154	3	V	TNKT1153

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
21	2	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	TNKT1128	3	VI	TNKT1153
22	3	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	TNKT1150	3	VII	TNKT1153
23	4	Quản trị chuỗi cung ứng nông sản Agribusiness Supply Chain Management	TNKT1157	3	V	TNKT1153
24	5	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp AgriBusiness Entrepreneurship	TNKT1151	3	VI	TNKT1153
25	6	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	MKMA1158	3	V	TNKT1153
26	7	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT1159	3	IV	TNKT1153
27	8	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Ethics and Responsibility in Agricultural Business	TNKT1147	3	IV	TNKT1153
28	9	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	TNKT1116	3	VI	TNKT1153
29	10	Chuyên đề thực tế (Project)	TNKT1162	4	IV-V-VI	TNKT 1153
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)				30		
30 31 32 33 34 35 36 37 38 39	1	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3	III	
	2	Pháp luật kinh tế Economic Law	LUKD1185	3	IV	
	3	Quản trị nhân lực Human Resource Management	NLQT1103	3	IV	
	4	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	IV	
	5	Công nghệ nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT1146	3	IV	
	6	Quản trị thương hiệu Brand management	MKTT1114	3	IV	
	7	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3	IV	
	8	Kinh tế nông thôn Rural Economics	TNKT1111	3	V	TNKT1153
	9	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT1158	3	IV	TNKT1153
	10	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1129	3	V	
	11	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3		
	12	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3	V	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	13	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	V	
	14	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3	V	
	15	Kinh tế tài nguyên Economics of Natural Resources	TNTN1145	3	V	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		TNKT1144	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: Lý thuyết kết hợp thảo luận

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp...dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

ke

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

1. Kinh doanh nông nghiệp (UEH): <https://se.ueh.edu.vn/kinh-doanh-nong-nghiep/>
2. Bachelor of Agribusiness (The University of Queensland):
<https://my.uq.edu.au/programs-courses/requirements/program/2007/2023>
3. Agribusiness Management Major (Newcastle University):
<https://pdf.ncl.ac.uk/ug/2023/n280.pdf>

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - + Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - + Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Kinh doanh nông nghiệp, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - + Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Kinh doanh nông nghiệp, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - o Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - o Trợ giảng các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Nông lâm thủy sản), phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - o Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành Kinh doanh nông nghiệp, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TRƯỜNG KHOA

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương